

Số: 32.2/KH-THPTLT

Bảo Lộc, ngày 14 tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 Năm học 2024 - 2025

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ tình hình thực tiễn và kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025, Trường THPT Lộc Thanh xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT năm học 2024-2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Minh bạch các thông tin có liên quan của Trường THPT Lộc Thanh để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, học sinh (HS), gia đình học sinh và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của nhà trường.

- Tăng cường trách nhiệm giải trình của nhà trường.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện công khai bảo đảm đúng các quy định tại *Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân* và các quy định của pháp luật liên quan.

- Thông tin công khai bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Thông tin chung

1.1 Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Lộc Thanh

1.2. Địa chỉ trụ sở chính: 149 Lê Lợi, xã Lộc Thanh, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

- Các địa chỉ hoạt động khác của trường: Không có;

- Điện thoại: 02633 864872;

- Địa chỉ thư điện tử: c3locthanh.lamdong@moet.edu.vn

- Trang thông tin điện tử của trường: thptlocthanh.edu.vn.

1.3. Loại hình: Đơn vị sự nghiệp công lập (nhóm IV);

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trường THPT Lộc Thanh

* Sứ mạng: Tạo dựng môi trường học tập lành mạnh thân thiện, có kỷ cương có chất lượng. Là nơi học sinh được giáo dục kỹ năng sống, ứng xử văn hóa, khả năng tự học, tư duy sáng tạo và phát triển toàn diện.

* Tầm nhìn: Là một trong những trường có chất lượng cao của thành phố Bảo Lộc và của tỉnh Lâm Đồng mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện. Là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới chất lượng toàn diện.

* Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát

- + Xây dựng ý thức kỷ luật và tinh thần cầu tiến.
- + Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo.
- + Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, đặc biệt là chất lượng mũi nhọn.
- + Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ.

- Các chỉ tiêu cụ thể

- Về đội ngũ:

- + Tỷ lệ trên chuẩn: trên 20%.
- + Tỷ lệ giáo viên giỏi các cấp: phân đầu đạt 35%.
- + Trên 70% cán bộ quản lý, giáo viên được đánh giá có năng lực chuyên môn khá, giỏi
- + Phân đầu 50% tổ trưởng chuyên môn có trình độ thạc sỹ.

- Về học sinh:

Phân đầu giữ ổn định các chỉ tiêu sau:

- + Quy mô: Lớp học: 28 lớp
Số lượng học sinh: từ 950 đến 1000 học sinh.

+ Xếp loại của học sinh:

Rèn luyện:

- + Tốt, khá: 97% trở lên
- + không đạt: không quá 0,5%.

Học tập:

- + Đạt trở lên: từ 95% trở lên. Trong đó: Khá, giỏi: 60% trở lên.
- + Chưa đạt: không quá 4,5%.
- + Ở lại lớp không quá 1,5%.
- + Tỷ lệ học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp: 100%
- + Tỷ lệ tốt nghiệp THPT: Vượt mặt bằng tỉnh
- + Tỷ lệ đậu Đại học - Cao đẳng: trên 60%
- Tỷ lệ học sinh bỏ học hằng năm: không quá 1%.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Lộc Thanh được thành lập ngày 20/8/1985 theo quyết định số 602/QĐ/UBND tỉnh Lâm Đồng. Khuôn viên trường tọa lạc trên diện tích 16.500m² tại địa chỉ số 149 Lê Lợi, xã Lộc Thanh, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Trải qua gần 40 năm hình thành và phát triển, CSVC của nhà trường được xây dựng, nâng cấp và chỉnh trang qua từng năm học. Đến nay cơ bản Trường đã được kiên cố hóa, hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GDĐT theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW. Số lượng HS, GV tương đối ổn định, chất lượng HS và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý, GV không ngừng được nâng cao. Nhờ vậy, chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến rõ nét trong những năm học gần đây, thể hiện

qua tỷ lệ HS lên lớp, tỷ lệ HS khá giỏi (tốt), tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT, tỷ lệ HS đầu vào các trường đại học, cao đẳng và số HS đoạt giải cấp tỉnh.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật, người phát ngôn (người đại diện để liên hệ)

- Họ và tên: Trần Thị Bình;
- Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng;
- Địa chỉ nơi làm việc: 149 Lê Lợi, xã Lộc Thanh, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
- Số điện thoại: 0911471111;
- Địa chỉ thư điện tử: tranbinh.thanglong@gmail.com.

1.7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường:

- Trường được thành lập Theo quyết định số 602/QĐ/UBND ngày 20 tháng 08 năm 1985 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định số 752/QĐ-SGDĐT, ngày 21/09/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc công nhận Hội đồng trường THPT Lộc Thanh, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Quyết định số 1224/QĐ-SGDĐT, ngày 11/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường THPT Lộc Thanh, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Danh sách thành viên hội đồng trường THPT Lộc Thanh, nhiệm kỳ 2021-2026:

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại
1	Trần Thị Bình	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng
2	Trần Thạch Cẩm	Phó hiệu trưởng
3	Đình Thị Sở	Phó hiệu trưởng
4	Nguyễn Thị Mỹ Liên	Chủ tịch công đoàn
5	Phan Thị Bích Hồng	Trưởng ban đại diện CMHS
6	Mai Văn Tuấn	Bí thư đoàn trường
7	Lê Thị Hạnh	Tổ trưởng tổ chuyên môn Toán-Tin
8	Trần Thái Bảo	Tổ phó tổ chuyên môn Sử - Địa - GDKTPL
9	Cao Thị Kim Hồng	Tổ trưởng tổ Văn phòng
10	Nguyễn Bảo Hà	Phó Chủ tịch UBND xã Lộc Thanh TP. Bảo Lộc
11	Phạm Minh Nhật	Học sinh lớp 11A1

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Trần Thị Bình: Quyết định số 190/QĐ-SGDĐT ngày 28/03/2022 của Sở GD và ĐT Lâm Đồng về việc bổ nhiệm chức vụ công chức, viên chức;
- Quyết định bổ nhiệm lại phó hiệu trưởng:
 - + Phó Hiệu trưởng Trần Thạch Cẩm: Quyết định số 908/QĐ-SGDĐT ngày 31/10/2022 của Sở GD và ĐT Lâm Đồng về việc bổ nhiệm lại chức vụ công chức, viên chức;
 - + Phó Hiệu trưởng Đình Thị Sở: Quyết định số 216/QĐ-SGDĐT ngày 17/03/2020 của Sở GD và ĐT Lâm Đồng về việc bổ nhiệm chức vụ công chức, viên chức;

d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường và cơ cấu tổ chức của Trường THPT Lộc Thanh:

* **Nhiệm vụ và quyền hạn của trường THPT Lộc Thanh:**

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận HS, quản lý HS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

5. Tổ chức cho giáo viên (GV), nhân viên, HS tham gia các hoạt động xã hội.

6. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

7. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức của Trường THPT Lộc Thanh:

*** Hội đồng trường Trường THPT Lộc Thanh:**

Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng trường:

- Quyết định về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển nhà trường, các dự án trong từng giai đoạn và từng năm học;

- Quyết định về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quyết định về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường;

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của nhà trường;

- Giám sát hoạt động tuyển sinh và việc tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch giáo dục của nhà trường;

- Giám sát việc thực hiện các quyết định của hội đồng trường và việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường;

- Giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Hoạt động của hội đồng trường trường THPT Lộc Thanh:

- Hội đồng trường họp thường kỳ ít nhất 03 lần trong một năm. Trong trường hợp cần thiết, khi hiệu trưởng hoặc ít nhất một phần ba số thành viên hội đồng trường đề nghị, chủ tịch hội đồng trường có quyền triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền của nhà trường.

- Hội đồng trường có thể họp bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Hội đồng trường được mời đại diện các thành phần khác tham dự cuộc họp của hội đồng trường khi cần thiết. Phiên họp hội đồng trường được công nhận là hợp lệ khi có mặt từ ba phần tư số thành viên của hội đồng trở lên (trong đó có chủ tịch hội đồng trường).

- Quyết định của hội đồng trường được thông qua và có hiệu lực khi được ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt nhất trí. Quyết định của hội đồng trường được công bố công khai.

*** Hiệu trưởng: Trần Thị Bình**

- Điện thoại: 0911471111, địa chỉ thư điện tử: tranbinh.thanglong@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: 149 Lê Lợi, xã Lộc Thanh, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

- Nhiệm vụ và quyền của hiệu trưởng:

+ Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định tại Điều 9 Điều lệ trường THPT Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; tổ chức thành lập hội đồng trường theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 10 Điều lệ trường THPT;

+ Tổ chức xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, quy hoạch phát triển nhà trường; quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; kế hoạch giáo dục hằng năm của nhà trường để trình hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện;

+ Thực hiện các quyết định hoặc kết luận của hội đồng trường về những nội dung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Điều lệ trường THPT. Trường hợp hiệu trưởng không nhất trí với quyết định của hội đồng trường cần xin ý kiến cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp của nhà trường. Trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp, hiệu trưởng vẫn phải thực hiện theo quyết định của hội đồng trường đối với các vấn đề không trái với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ trường THPT;

+ Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các quyết định của hội đồng trường trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

+ Thực hiện tuyển dụng, quản lý giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động, tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;

+ Quản lý HS và các hoạt động của HS do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại HS, ký xác nhận học bạ, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cho HS trung học phổ thông (nếu có) và quyết định khen thưởng, kỷ luật HS;

+ Quản lý tài chính và tài sản của nhà trường;

+ Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong tổ chức hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường;

+ Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động; thực hiện công khai đối với nhà trường và xã hội theo quy định của pháp luật;

+ Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định; tham gia dạy học theo quy định về định mức giờ dạy đối với hiệu trưởng;

+ Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

*** Phó hiệu trưởng: Trần Thạch Cẩm và Đinh Thị Sở**

-Điện thoại:0986719978 (thầy Trần Thạch Cẩm); địa chỉ thư điện tử: ttcam.c3locthanh@lamdong.edu.vn; Điện thoại:0353468468 (cô Đinh Thị Sở) địa chỉ thư điện tử dtso.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

- Địa chỉ nơi làm việc: 149 Lê Lợi, xã Lộc Thanh, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

- Nhiệm vụ và quyền của phó hiệu trưởng:

- + Điều hành công việc được hiệu trưởng phân công phụ trách hoặc ủy quyền;
- + Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định; tham gia dạy học theo quy định về định mức giờ dạy đối với phó hiệu trưởng;
- + Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

*** Hội đồng thi đua khen thưởng:**

Hội đồng thi đua khen thưởng của trường được thành lập vào đầu mỗi năm học để giúp hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, GV, nhân viên, HS trong nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng thành lập và làm chủ tịch. Các thành viên của hội đồng thi đua khen thưởng gồm: bí thư cấp ủy, phó hiệu trưởng, đại diện hội đồng trường, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng và các giáo viên chủ nhiệm lớp.

*** Hội đồng kỷ luật:**

- Hội đồng kỷ luật HS được thành lập để xét hoặc xóa kỷ luật đối với HS theo từng vụ việc. Hội đồng kỷ luật HS do hiệu trưởng quyết định thành lập và làm chủ tịch. Các thành viên của hội đồng gồm: phó hiệu trưởng, bí thư Đoàn Thanh niên, giáo viên chủ nhiệm lớp có HS vi phạm, một số GV có kinh nghiệm giáo dục và trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh của trường.
- Hội đồng kỷ luật cán bộ, GV, nhân viên được thành lập để xét và đề nghị xử lý kỷ luật đối với cán bộ, GV, nhân viên theo từng vụ việc. Việc thành lập, thành phần và hoạt động của hội đồng kỷ luật cán bộ, GV, nhân viên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

*** Hội đồng tư vấn:**

Các hội đồng tư vấn do hiệu trưởng thành lập theo yêu cầu cụ thể của từng công việc. Nhiệm vụ, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng tư vấn do hiệu trưởng quy định.

*** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam:**

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường là Chi bộ trường THPT Lộc Thanh. lãnh đạo về mọi mặt đối với nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật
- Chi bộ trường THPT Lộc Thanh có 31 đảng viên, trong đó 30 đảng viên chính thức, 01 đảng viên dự bị.

Chi ủy chi bộ có 03 đồng chí: 01 Bí thư chi bộ, 01 phó bí thư chi bộ, 01 chi ủy viên.

*** Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:**

- Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

- Công đoàn cơ sở:

+ Trường THPT Lộc Thanh, tỉnh Lâm Đồng gồm 01 Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Lâm Đồng.

+ Tổng số đoàn viên Công đoàn: 68 đoàn viên.

+ Ban chấp hành công đoàn có 05 thành viên.

+ Chủ tịch Công đoàn: Cô Nguyễn Thị Mỹ Liên: điện thoại: 0356321167, địa chỉ thư điện tử: ntmlien.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

+ Phó Chủ tịch công đoàn: Cô Trần Thái Bảo, điện thoại: 0987764299, địa chỉ thư điện tử: ttbao.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

+ Ban thanh tra nhân dân gồm 03 thành viên hoạt động theo chỉ đạo của công đoàn:
Trưởng ban thanh tra nhân dân: Cô Ngô Thị Thanh Loan, điện thoại: 0977830826, địa chỉ thư
điện tử: nttloan.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

+ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường THPT Lộc Thanh là tổ chức đoàn
trực thuộc Thành đoàn Bảo Lộc.

+ Tổng số đoàn viên: 692 đoàn viên.

+ Ban chấp hành đoàn trường có 15 thành viên; Ban thường vụ có 3 thành viên.

+ Bí thư đoàn trường: Mai Văn Tuấn, điện thoại: 0976642153, địa chỉ thư điện tử:
mvtuan.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

+ Phó bí thư đoàn trường: Cô Nguyễn Thị Thu Huyền, điện thoại: 0979227344, địa chỉ
thư điện tử: ntthuyen.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

*** Các tổ chuyên môn:**

Trường THPT Lộc Thanh có 06 Tổ chuyên môn với 58 giáo viên, mỗi tổ chuyên môn có
01 tổ trưởng và 01 tổ phó, cụ thể:

- Tổ Toán-Tin:

+ Gồm 14 viên chức, trong đó biên chế: 14, hợp đồng: 0.

+ Tổng số đảng viên: 04, trong đó chính thức: 04, dự bị: 0.

+ Tổ trưởng: Cô Lê Thị Hạnh, điện thoại: 0927746953, địa chỉ thư điện tử:
lthanh.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

- Tổ Hóa - Lý - Công nghệ:

+ Gồm 11 viên chức, trong đó biên chế: 11, hợp đồng: 0.

+ Tổng số đảng viên: 05, trong đó chính thức: 04, dự bị: 01.

+ Tổ trưởng: Thầy Nguyễn Bá Hào, điện thoại: 0985536711, địa chỉ thư điện tử:
nbhao.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

- Tổ Hóa-Sinh-Công nghệ - TD - QPAN:

+ Gồm 10 viên chức, trong đó biên chế: 10, hợp đồng: 0.

+ Tổng số đảng viên: 03, trong đó chính thức: 03, dự bị: 0.

+ Tổ trưởng: Cô Trần Thị Cẩm Hương, điện thoại: 0785170481, địa chỉ thư điện tử:
ttchuong.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

- Tổ Ngữ văn:

+ Gồm 08 viên chức, trong đó biên chế: 08, hợp đồng: 0.

+ Tổng số đảng viên: 05, trong đó chính thức: 05, dự bị: 0.

+ Tổ trưởng: Cô Đặng Thị Lý, điện thoại: 0982648609, địa chỉ thư điện tử:
dtly.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

- Tổ Tiếng Anh:

+ Gồm 7 viên chức, trong đó biên chế: 7, hợp đồng: 0.

+ Tổng số đảng viên: 02, trong đó chính thức: 02, dự bị: 0.

+ Tổ trưởng: Cô Ngô Hồng Xoan, điện thoại: 0902830621, địa chỉ thư điện tử:
nhxoan.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

- Tổ Sử- Địa - GDKTPL

+ Gồm 09 viên chức, trong đó biên chế: 09, hợp đồng: 0.

+ Tổng số đảng viên: 04, trong đó chính thức: 04, dự bị: 0.

+ Tổ trưởng: Nguyễn Thị Chiến, điện thoại: 0398871493, địa chỉ thư điện tử:
ntchien.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

- Tổ chuyên môn có những nhiệm vụ sau:

+ Chủ động xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục thuộc chuyên môn phụ trách theo tuần, tháng, học kỳ, năm học; phối hợp với các tổ chuyên môn khác xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

+ Đề xuất lựa chọn sách giáo khoa, xuất bản phẩm tham khảo để sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn theo kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được hội đồng trường phê duyệt.

+ Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch tổ chuyên môn và trường.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

- Tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn ít nhất 01 lần trong 02 tuần và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc khi hiệu trưởng yêu cầu. Tổ chuyên môn hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên để phát triển năng lực chuyên môn.

*** Tổ văn phòng:**

- Gồm 07 viên chức, trong đó biên chế: 04, hợp đồng: 03.

- Tổng số đảng viên: 03, trong đó chính thức: 03, dự bị: 0.

- Tổ trưởng: Cao Thị Kim Hồng, điện thoại: 0985296863, địa chỉ thư điện tử: ctkhong.c3locthanh@lamdong.edu.vn.

- Nhiệm vụ của tổ văn phòng:

+ Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng, giải trình và quyết định kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng theo tuần, tháng, học kỳ, năm học.

+ Giúp hiệu trưởng thực hiện công tác văn thư, nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản, thống kê và bảo vệ trong nhà trường theo quy định.

+ Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch tổ văn phòng và trường.

+ Tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động.

+ Quản lý, lưu trữ hồ sơ của trường.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công.

- Tổ văn phòng sinh hoạt ít nhất 01 lần trong 01 tháng và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc khi hiệu trưởng yêu cầu. Tổ văn phòng hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên để phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

*** Lớp học:**

- Học sinh Trường THPT Lộc Thanh được tổ chức thành 28 lớp học. Mỗi lớp học có lớp trưởng và các lớp phó do học sinh ứng cử hoặc giáo viên chủ nhiệm giới thiệu, được học sinh trong lớp bầu chọn vào đầu mỗi năm học hoặc sau mỗi học kỳ. Mỗi lớp học được chia thành 04 tổ học sinh; mỗi tổ học sinh có tổ trưởng và tổ phó do học sinh ứng cử hoặc giáo viên chủ nhiệm giới thiệu, được học sinh trong tổ bầu chọn vào đầu mỗi năm học hoặc sau mỗi học kỳ.

- Hoạt động của lớp học bảo đảm tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi HS được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ và của lớp học với sự hỗ trợ của GV.

- Mỗi lớp học có sĩ số học sinh trên lớp trung bình từ 40 - 45 học sinh.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không có.

1.8. Các văn bản khác

1.8. Các văn bản khác

* **Chiến lược phát triển của nhà trường:** Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 số 335/KH-THBL ngày 28/12/2020;

* **Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở:** Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của Trường THPT Bảo Lộc từ năm học 2024-2025 ban hành theo Quyết định số 190/QĐ-THPTLT ngày 17/9/2024;

* **Các nghị quyết của hội đồng trường:**

- Quy chế hoạt động số 200/QĐ-HĐTTHLT ngày 28/09/2022 của Hội đồng trường Trung học phổ thông Lộc Thanh nhiệm kỳ 2021-2026;

- Kế hoạch hoạt động số 201/KH-HĐTTHLT ngày 28/9/2022 của Hội đồng trường Trung học phổ thông Lộc Thanh nhiệm kỳ 2021-2026;

- Nghị quyết số 202/NQ-HĐTTHLT, ngày 30/9/2022 V/v phê duyệt Kế hoạch giáo dục nhà trường, các Quy chế, Kế hoạch hoạt động và định hướng hoạt động chiến lược của nhà trường nhiệm kỳ 2021-2026;

- Nghị quyết số 203/NQ-HĐTTHLT, ngày 30/9/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022 - 2023.

- Nghị quyết số 225/NQ-HĐTTHLT, ngày 26/9/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025.

* **Quy định về quản lý hành chính, nhân sự,....:**

- Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường năm 2024 và sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Quy chế quản lý và sử dụng tài sản, thiết bị năm 2024 và sửa đổi, bổ sung năm 2025.

* **Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:**

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý hàng năm của trường.

* **Quy chế nội bộ khác (nếu có):**

- Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động Ban hành kèm theo Quyết định số 187/QĐ-THPTLT, ngày 17/9/2024;

- Quy chế thi đua- khen thưởng năm học 2024-2025 số 188/ QC-THPTLT, ngày 17/9/2024.

* **Quy định về quản lý hành chính, nhân sự,....:**

- Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường năm 2024 và sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Quy chế quản lý và sử dụng tài sản, thiết bị năm 2024 và sửa đổi, bổ sung năm 2025.

* **Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:**

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý hàng năm của trường.

* **Quy chế nội bộ khác (nếu có):**

- Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-THBL, ngày 05/5/2023;

- Quy chế thi đua- khen thưởng năm học 2024-2025, ...

2. Thu, chi tài chính

2.1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh phí: Do ngân sách nhà nước cấp và học phí từ học sinh;

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: Không.

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành

cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác:

- Thực hiện chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường năm 2024 và sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Thực hiện công khai các khoản chi theo quy định của pháp luật về tài chính theo quý, năm tài chính.

2.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển:

Thực hiện theo *Công văn số 1297/SGDDĐT-KHTC ngày 16/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng V/v hướng dẫn thực hiện các khoản thu từ các nguồn thu hợp pháp năm học 2024-2025 đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*;

Thực hiện nội dung biên bản họp hội đồng sư phạm ngày 04/9/2024; biên bản họp thống nhất giữa ban đại diện CMHS trường với nhà trường ngày 05/9/2024; Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2024 - 2025;

Trường THPT Lộc Thanh thông báo các khoản thu trong năm học 2024 - 2025 như sau:

a) Thu học phí

Thực hiện theo Nghị quyết số 318/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh và Văn bản số 6209/UBND-VX1 ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2024-2025, như sau:

- Học phí: 70.000đ/HS/tháng.

b) Bảo hiểm y tế học sinh

Bảo hiểm y tế học sinh là khoản thu bắt buộc do nhà trường tổ chức thu, thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều II Luật Bảo hiểm y tế và Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Hướng dẫn liên ngành số 1130/BHXH-QLTST, ngày 25/7/2024 như sau:

- Học sinh khối 10, 11: 73.710đ/ tháng*12 tháng = 884.520đ/HS/năm;

- Học sinh khối 12: 73.710đ/ tháng*9 tháng = 663.390đ/HS/năm.

c) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Thực hiện theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 04/8/2021 và Nghị quyết số 266/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Lâm Đồng theo nguyên tắc thu, chi đã thỏa thuận giữa nhà trường với CMHS và kế hoạch thu, chi cụ thể của nhà trường; bàn bạc, thỏa thuận CMHS về chủ trương và mức thu cụ thể không được vượt quá mức thu quy định tại Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 266/2023/NQ-HĐND, cụ thể nhà trường đã làm tờ trình Sở GDĐT phê duyệt các khoản thu như sau:

- Quỹ phục vụ trực tiếp cho học sinh: 50.000đ/HS/năm;

- Tiền hỗ trợ công tác photo, in ấn đề kiểm tra: 60.000đ/HS/năm

c) Dạy thêm, học thêm

- Thực hiện theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và theo các văn bản quy định, hướng dẫn mới ban hành của Bộ GDĐT, UBND tỉnh, Sở GDĐT (nếu có).

- Thực hiện thu chi theo Kế hoạch tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường năm học 2024-2025 đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng phê duyệt, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng số thu; số còn lại 98% (quy ra 100%) chi thù lao cho giáo viên trực tiếp

giảng dạy 80%, trả tiền điện, nước, vệ sinh và sửa chữa cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ dạy thêm, học thêm 15%, quản lý dạy thêm, học thêm của nhà trường 5%.

2.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

- Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

2.4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có):

- Thực hiện công khai số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có) theo quy định của pháp luật về tài chính theo quý, năm tài chính.

2.5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở:

- Thực hiện công khai các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở theo quý, năm tài chính.

3. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

3.1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng GV, CBQL và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

TT	Tên vị trí việc làm	Đơn vị thực hiện	Số lượng biên chế hoặc hoặc HĐ lao động hiện có
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 vị trí		
1	Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu	01
2	Phó Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu	02
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành giáo dục THPT: 07 vị trí		
1	Giáo viên THPT hạng I	Giáo viên THPT hạng I	00
2	Giáo viên THPT hạng II	Giáo viên THPT hạng II	15
3	Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên THPT hạng III	46
4	Thiết bị, thí nghiệm	Viên chức Thiết bị, thí nghiệm	00
5	Giáo vụ	Viên chức Giáo vụ	00
6	Tư vấn học sinh	Do giáo viên có văn bằng 2 tâm lý học kiêm nhiệm	00
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Hợp Đồng khi trường có HS khuyết tật hòa nhập	00
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 06 vị trí		
1	Thư viện viên hạng III	Thư viện viên hạng III	01
2	Chuyên viên về quản trị công sở	Kiểm nhiệm	00
3	Kế toán viên	Kế toán viên	01
4	Nhân viên thủ quỹ	Kiểm nhiệm	00
5	Văn thư viên đại học	Văn thư viên đại học	01
6	Y tế học đường	Nhân viên y tế	01
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02 vị trí		
1	Nhân viên Bảo vệ		02
2	Nhân viên Phục vụ		01
TỔNG CỘNG			68

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý: 68 người. Trong đó: cán bộ quản lý: 03, giáo viên: 58; đạt chuẩn: 68 (100%) và trên chuẩn: 12 (25,35%);

- Kết quả đánh giá, phân loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Loại Tốt: 11/68 (16,17%), loại Khá: 47/68 (69,12%), loại Đạt: 0 (0%);; loại Chưa đạt: 0 (0%);

- Kết quả đánh giá, phân loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: Loại Khá: 3/3 (100%), loại Tốt: 0 (0%), loại Đạt và Chưa đạt: 0 (0%).

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số GV, CBQL	61	0	12	49	0	0	0	46	15	0	11	50	0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	58	0	12	46	0	0	0	46	12	0	11	47	0	0
1	Toán học	10	0	1	9	0	0	0	9	1	0	0	10	0	0
2	Ngữ văn	8	0	1	7	0	0	0	6	2	0	2	6	0	0
3	Tiếng Anh	7	0	0	7	0	0	0	5	2	0	3	4	0	0
4	Lịch sử	4	0	0	4	0	0	0	3	1	0	0	4	0	0
5	Vật lý	7	0	1	6	0	0	0	6	1	0	1	6	0	0
6	Hóa học	4	0	4	0	0	0	0	3	1	0	2	2	0	0
7	Sinh học	4	0	1	3	0	0	0	3	1	0	0	4	0	0
8	Địa lý	4	0	1	3	0	0	0	2	2	0	2	2	0	0
9	GDKT&PL	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0
10	Tin học	4	0	0	4	0	0	0	4	0	0	0	4	0	0
11	Công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	GD thể chất	3	0	0	3	0	0	0	2	1	0	1	2	0	0
13	GDQP&AN	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý (CBQL) và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

- 100% giáo viên và CBQL được đào tạo đáp ứng yêu cầu Luật Giáo dục 2019;
- 100 giáo viên, CBQL và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định;
- 100% CBQL có trình độ lý luận chính trị trung cấp;
- 100% giáo viên trong quy hoạch CBQL đang học trung cấp lý luận chính trị;
- 100% CBQL và giáo viên đã được bồi dưỡng và tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018 và tập huấn đổi mới kiểm tra, đánh giá và ôn tập và tổ chức thi tốt nghiệp THPT;
- 100% CBQL đã tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị và quản lý nhà trường;
- Hiệu trưởng và kế toán được tập huấn công tác tài chính và Luật đấu thầu 2023;
- Nhân viên văn thư, thư viện đã được tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

3.2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điền trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 16.5000m² ;

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 15,4 m² /HS, đạt yêu cầu tối thiểu theo quy định (10,0 m²/HS).

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 1	Tiêu chuẩn mức độ 2	Trường hiện có	Chú thích
1	Khối phòng học					
1.1	Phòng học	1,50m ² /HS	1,50m ² /HS	1,50m ² /HS	1,50m ² /HS	Tổng diện tích : 60m ² /phòng
1.2	Phòng học môn Âm nhạc	2,45m ² /HS	2,45m ² /HS	2,45m ² /HS	-	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng
1.3	Phòng học môn Mỹ thuật	2,45m ² /HS	2,45m ² /HS	2,45m ² /HS	-	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng
1.4	Phòng học môn Công nghệ	2,45m ² /HS	2,45m ² /HS	2,45m ² /HS	-	Tổng diện tích: 80m ² /phòng
1.5	Phòng học môn Tin học	2m ² /HS	2m ² /HS	2m ² /HS	2m ² /HS	Tổng diện tích: 80m ² /phòng
1.6	Phòng học môn Ngoại ngữ	2m ² /HS	2m ² /HS	2m ² /HS	2m ² /HS	Tổng diện tích: 80m ² /phòng
1.7	Phòng học đa chức năng	2m ² /HS	2m ² /HS	2m ² /HS	-	Tổng diện tích: 80m ² /phòng
1.8	Phòng học môn Vật lý	2m ² /HS	2m ² /HS	2m ² /HS	2m ² /HS	Tổng diện tích: 80m ² /phòng
1.9	Phòng học môn Hóa học	2m ² /HS	2m ² /HS	2m ² /HS	2m ² /HS	Tổng diện tích: 80m ² /phòng
1.10	Phòng học môn Sinh học	2m ² /học sinh	2m ² /học sinh	2m ² /HS	2m ² /HS	Tổng diện tích: 80m ² /phòng
1.11	Phòng học môn khoa học XH	-	1,50m ² /HS	1,50m ² /HS	-	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng
2	Khối phòng hỗ trợ học tập					

2.1	Thư viện	0,60m ² /HS	0,60m ² /HS; phòng đọc 2,40m ² /chỗ	0,60m ² /HS; phòng đọc 2,40m ² /chỗ	0,60m ² /HS; phòng đọc 3,25m ² /chỗ	Tổng diện tích: không nhỏ hơn 816m ² /thư viện.
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m ² /phòng	48m ² /phòng	48m ² /phòng	-	
2.3	Phòng tư vấn học đường	24m ² /phòng	24m ² /phòng	24m ² /phòng	35m ² /phòng	
2.4	Phòng Đoàn Thanh niên	0,03m ² /HS	0,03m ² /HS	0,03m ² /HS	0,03m ² /HS	
2.5	Phòng truyền thống	48m ² /phòng	48m ² /phòng	48m ² /phòng	54,2m ² /phòng g	
3	Khôi phụ trợ					
3.1	Phòng họp	1,20m ² /người	1,20m ² /người	1,20m ² /ngườ i	5 m ² /người	Tổng diện tích: 340 m ²
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	30m ² /phòng	30m ² /phòng	30m ² /phòng	-	
3.3	Phòng y tế trường học	24m ² /phòng	24m ² /phòng	24m ² /phòng	84m ² /phòng	
3.4	Nhà kho	48m ² /kho	48m ² /kho	48m ² /kho	48m ² /kho	
3.5	Khu để xe học sinh	0,90m ² /xe đạp; 2,50m/xe máy	0,90m ² /xe đạp; 2,50m/xe máy	0,90m ² /xe đạp; 2,50m/xe máy	0,90m ² /xe đạp; 2,50m/xe máy	Số lượng xe được tính từ 50% đến 70% tổng số HS toàn trường
3.6	Khu vệ sinh HS	0,06m ² /HS	0,06m ² /HS	0,06m ² /HS	0,12m ² /HS	
3.7	Phòng nghỉ GV	-	12m ² /phòng	12m ² /phòng	-	
3.8	Phòng giáo viên	-	-	4m ² /GV	4m ² /GV	
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao					
4.1	Sân trường	1,50m ² /HS	1,50m ² /HS	1,50m ² /HS	1,83m ² /HS	Tổng diện tích: 1970 m ²
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /HS	0,35m ² /HS	0,35m ² /HS	2,35m ² /HS	Tổng diện tích sân thể dục thể thao: 2530m ²
4.3	Nhà đa năng	-	-	450m ² /nhà	-	
5	Khôi phục vụ sinh hoạt					
5.1	Nhà bếp	0,30m ² /HS	0,30m ² /HS	0,30m ² /HS	-	
5.2	Kho bếp	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho	-	

		lượng thực	lượng thực	lượng thực		
5.3	Nhà ăn	0,75m ² /chỗ	0,75m ² /chỗ	0,75m ² /chỗ	-	Số chỗ được tính với 35% tổng số HS, GV, nhân viên toàn trường
5.4	Nhà ở nội trú	4m ² /chỗ	4m ² /chỗ	4m ² /chỗ	-	
5.5	Phòng quản lý học sinh	9m ² /phòng	9m ² /phòng	9m ² /phòng	-	
5.6	Phòng sinh hoạt chung	0,20m ² /HS	0,20m ² /HS	0,20m ² /HS sinh	-	Tổng diện tích không nhỏ hơn 36m ² /phòng
5.7	Nhà văn hóa	-	0,80m ² /HS	0,80m ² /HS	-	

c) Số thiết bị dạy học hiện có của trường đầy đủ, nhiều hơn so với yêu cầu thiết bị tối thiểu theo quy định.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

*** SGK các môn học lớp 12 được lựa chọn sử dụng của Trường THPT Lộc Thanh**

Stt	Tên danh mục sách giáo khoa	Các Tác giả	Tổ chức, cá nhân
01	Toán 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chủ biên: Hà Huy Khoái; Nhóm tác giả: Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng, Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Toán 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chủ biên: Hà Huy Khoái; Nhóm tác giả: Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng, Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Giáo dục Việt Nam
02	Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Phạm Hải Nam – Dương Quỳnh Nga – Lê Kim Thư – Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Phạm Hải Nam – Dương Quỳnh Nga – Lê Kim Thư – Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam

	sống)		
03	Vật lý 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chát, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Trương Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lý 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chát, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Trương Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Giáo dục Việt Nam
04	Hoá học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ Biên) – Đặng Xuân Thu (Chủ Biên) – Nguyễn Thị Thanh Chi – Ngô Tuấn Cường – Nguyễn Văn Hải – Lê Trọng Huyền – Nguyễn Thanh Hưng – Đường Khánh Linh	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hoá học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ Biên) – Đặng Xuân Thu (Chủ Biên) – Nguyễn Thị Thanh Chi – Ngô Tuấn Cường – Nguyễn Văn Hải – Lê Trọng Huyền – Nguyễn Thanh Hưng – Đường Khánh Linh	Giáo dục Việt Nam
05	Công nghệ 12 – Công nghệ điện, điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Công nghệ điện, điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
06	Sinh học lớp 12 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Văn Tám (Chủ biên), Trần Hoàng Đương, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Thị Hằng Nga, Trần Thanh Sơn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học lớp 12 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Văn Tám (Chủ biên), Trần Hoàng Đương, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Thị Hằng Nga, Trần Thanh Sơn	Giáo dục Việt Nam
07	Công Nghệ lớp 12 Lâm Nghiệp-Thủy sản (Bộ sách Kết	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) – Đông Huy Giới (Chủ biên) – Nguyễn Xuân Cảnh – Trương Đình Hoài – Đỗ Thị Phụng – Lê Xuân Trường – Trần	Giáo dục Việt Nam

	nội tri thức với cuộc sống)	Ánh Tuyết – Kim Văn Vạn	
	Chuyên đề học tập Công Nghệ lớp 12 Lâm Nghiệp-Thủy sản (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) – Đồng Huy Giới (Chủ biên) – Nguyễn Xuân Cảnh – Trương Đình Hoài – Đỗ Thị Phượng – Lê Xuân Trường – Trần Ánh Tuyết – Kim Văn Vạn	Giáo dục Việt Nam
08	GDTC 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền. Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Đỗ Minh Sơn, Trần Minh Tuấn, Nguyễn Trần Phúc, Lê Việt Đức	Giáo dục Việt Nam
09	GDQPAN (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thiện Minh, Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Đức Đăng, Phí Văn Hạnh, Uông Thiện Hoàng, Nguyễn Văn Tình, Hoàng Lê Nam, Lương Hồng Sinh	Giáo dục Việt Nam
10	Ngữ văn 12 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng (Chủ biên) – Đặng Lưu – Nguyễn Thị Diệu Linh – Trần Hạnh Mai – Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Đỗ Hải Phong – Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng (Chủ biên) – Đặng Lưu – Nguyễn Thị Diệu Linh – Trần Hạnh Mai – Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Đỗ Hải Phong – Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
11	Lịch sử 12 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tùng	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tùng	Giáo dục Việt Nam
12	Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn	Giáo dục

	sống)	Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh	Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh	Giáo dục Việt Nam
13	GDKT&PL 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (Đồng chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập GDKT&PL 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (Đồng chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Giáo dục Việt Nam
14	Tiếng Anh lớp 12 - Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Vũ Hải Hà, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng	Giáo dục Việt Nam
15	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Vũ Phương Liên, Cao Thị Châu Thủy (Đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Lại Thị Yến Ngọc, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam

Danh mục gồm 15 sách giáo khoa các môn học lớp 12.

*** SGK các môn học lớp 11 được lựa chọn sử dụng của Trường THPT Lộc Thanh**

Stt	Tên danh mục sách giáo khoa	Các Tác giả	Tổ chức, cá nhân
01	Toán 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chủ biên: Hà Huy Khoái; Nhóm tác giả: Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng, Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Toán 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chủ biên: Hà Huy Khoái; Nhóm tác giả: Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng, Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Giáo dục Việt Nam
02	Tin học 11, Định	Phạm Thế Long (Tổng chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào	Giáo dục

	hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Phạm Hải Nam – Dương Quỳnh Nga – Lê Kim Thư – Đặng Bích Việt	Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Phạm Hải Nam – Dương Quỳnh Nga – Lê Kim Thư – Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
03	Vật lý 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chát, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Tưởng Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lý 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chát, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Tưởng Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Giáo dục Việt Nam
04	Hoá học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ Biên) – Đặng Xuân Thư (Chủ Biên) – Nguyễn Thị Thanh Chi – Ngô Tuấn Cường – Nguyễn Văn Hải – Lê Trọng Huyền – Nguyễn Thanh Hưng – Đường Khánh Linh	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hoá học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ Biên) – Đặng Xuân Thư (Chủ Biên) – Nguyễn Thị Thanh Chi – Ngô Tuấn Cường – Nguyễn Văn Hải – Lê Trọng Huyền – Nguyễn Thanh Hưng – Đường Khánh Linh	Giáo dục Việt Nam
05	Công nghệ 11 – Công nghệ điện, điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ điện, điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
06	Sinh học lớp 11 (Chân trời sáng	Tổng Văn Tám (Chủ biên), Trần Hoàng Đương, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Thị	Giáo dục

	tạo)	Hằng Nga, Trần Thanh Sơn	Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học lớp 11 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Văn Tám (Chủ biên), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Thị Hằng Nga, Trần Thanh Sơn	Giáo dục Việt Nam
07	Công Nghệ lớp 11 Lâm Nghiệp-Thủy sản (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) – Đồng Huy Giới (Chủ biên) – Nguyễn Xuân Cảnh – Trương Đình Hoài – Đỗ Thị Phượng – Lê Xuân Trường – Trần Ánh Tuyết – Kim Văn Vạn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công Nghệ lớp 11 Lâm Nghiệp-Thủy sản (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) – Đồng Huy Giới (Chủ biên) – Nguyễn Xuân Cảnh – Trương Đình Hoài – Đỗ Thị Phượng – Lê Xuân Trường – Trần Ánh Tuyết – Kim Văn Vạn	Giáo dục Việt Nam
08	GDTC 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chân Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền. Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Đỗ Minh Sơn, Trần Minh Tuấn, Nguyễn Trần Phúc, Lê Việt Đức	Giáo dục Việt Nam
09	GDQPAN (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thiện Minh, Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Đức Đăng, Phí Văn Hạnh, Uông Thiện Hoàng, Nguyễn Văn Tình, Hoàng Lê Nam, Lương Hồng Sinh	Giáo dục Việt Nam
10	Ngữ văn 11 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng (Chủ biên) – Đặng Lưu – Nguyễn Thị Diệu Linh – Trần Hạnh Mai – Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Đỗ Hải Phong – Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng (Chủ biên) – Đặng Lưu – Nguyễn Thị Diệu Linh – Trần Hạnh Mai – Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Đỗ Hải Phong – Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
11	Lịch sử 11 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn	Giáo dục

	sống)	Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tùng	Việt Nam
	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tùng	Giáo dục Việt Nam
12	Địa lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh	Giáo dục Việt Nam
13	GDKT&PL 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (Đồng chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập GDKT&PL 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (Đồng chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Giáo dục Việt Nam
14	Tiếng Anh lớp 12 - Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Vũ Hải Hà, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng	Giáo dục Việt Nam
15	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Vũ Phương Liên, Cao Thị Châu Thủy (Đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Lại Thị Yến Ngọc, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam

Danh mục gồm 15 sách giáo khoa lớp 11.

*** SGK các môn học lớp 10 được lựa chọn sử dụng của Trường THPT Lộc Thanh**

Stt	Tên danh mục sách giáo khoa	Các Tác giả	Tổ chức, cá nhân
01	Toán 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chủ biên: Hà Huy Khoái; Nhóm tác giả: Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng, Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiên, Phan Thanh Hồng, Trần Đình kế, Phạm Anh	Giáo dục Việt Nam

		Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	
	Chuyên đề học tập Toán 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chủ biên: Hà Huy Khoái; Nhóm tác giả: Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng, Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Giáo dục Việt Nam
02	Tin học 10, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Phạm Hải Nam – Dương Quỳnh Nga – Lê Kim Thư – Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 10, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Phạm Hải Nam – Dương Quỳnh Nga – Lê Kim Thư – Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
03	Vật lý 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chất, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Trương Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lý 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chất, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Trương Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Giáo dục Việt Nam
04	Hoá học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ Biên) – Đặng Xuân Thư (Chủ Biên) – Nguyễn Thị Thanh Chi – Ngô Tuấn Cường – Nguyễn Văn Hải – Lê Trọng Huyền – Nguyễn Thanh Hưng – Đường Khánh Linh	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hoá học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ Biên) – Đặng Xuân Thư (Chủ Biên) – Nguyễn Thị Thanh Chi – Ngô Tuấn Cường – Nguyễn Văn Hải – Lê Trọng Huyền – Nguyễn Thanh Hưng – Đường Khánh Linh	Giáo dục Việt Nam
05	Công nghệ 10 – Công nghệ điện, điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam

	Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Công nghệ điện, điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
06	Sinh học lớp 10 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Văn Tám (Chủ biên), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Thị Hằng Nga, Trần Thanh Sơn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học lớp 10 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Văn Tám (Chủ biên), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Thị Hằng Nga, Trần Thanh Sơn	Giáo dục Việt Nam
07	Công Nghệ lớp 10 Lâm Nghiệp-Thủy sản (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) – Đồng Huy Giới (Chủ biên) – Nguyễn Xuân Cảnh – Trương Đình Hoài – Đỗ Thị Phượng – Lê Xuân Trường – Trần Ánh Tuyết – Kim Văn Vạn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công Nghệ lớp 10 Lâm Nghiệp-Thủy sản (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) – Đồng Huy Giới (Chủ biên) – Nguyễn Xuân Cảnh – Trương Đình Hoài – Đỗ Thị Phượng – Lê Xuân Trường – Trần Ánh Tuyết – Kim Văn Vạn	Giáo dục Việt Nam
08	GDTC 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chân Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền. Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Đỗ Minh Sơn, Trần Minh Tuấn, Nguyễn Trần Phúc, Lê Việt Đức	Giáo dục Việt Nam
09	GDQPAN 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thiện Minh, Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Đức Đăng, Phí Văn Hạnh, Uông Thiện Hoàng, Nguyễn Văn Tình, Hoàng Lê Nam, Lương Hồng Sinh	Giáo dục Việt Nam
10	Ngữ văn 10 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng (Chủ biên) – Đặng Lưu – Nguyễn Thị Diệu Linh – Trần Hạnh Mai – Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Đỗ Hải Phong –	Giáo dục Việt Nam

		Nguyễn Thị Hồng Vân	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng (Chủ biên) – Đặng Lưu – Nguyễn Thị Diệu Linh – Trần Hạnh Mai – Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Đỗ Hải Phong – Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
11	Lịch sử 10 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tùng	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tùng	Giáo dục Việt Nam
12	Địa lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh	Giáo dục Việt Nam
13	GDKT&PL 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (Đồng chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập GDKT&PL 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (Đồng chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Giáo dục Việt Nam
14	Tiếng Anh lớp 10-Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Vũ Hải Hà, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng	Giáo dục Việt Nam
15	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Chân trời sáng tạo 1)	Đình Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Vũ Phương Liên, Cao Thị Châu Thủy (Đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Lại Thị Yến Ngọc, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam

Danh mục gồm 15 sách giáo khoa lớp 11.

3.3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) *Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:*

- Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục và kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá và triển khai thực hiện.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng và cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: trường tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và tiếp tục xây dựng và thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục nhà trường và duy trì trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ cao hơn trong năm học 2024-2025.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

+ Trường THPT Lộc Thanh đã được đánh giá ngoài tháng 01/2011 và công nhận cấp độ 3 theo giấy chứng nhận số: 03-PT/2011/KTKĐCLGD từ ngày 10/10/2011 của Sở GDĐT Lâm Đồng.

+ Trường THPT Lộc Thanh đã được Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 372 ngày 04/2/2015.

+ Trường THPT Lộc Thanh đã được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng

+ Trường THPT Lộc Thanh đã được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 tại Quyết định số 12/2021/KĐCLGD ngày 08/02/2021 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng.

- Trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm nhiều tiêu chí có điều chỉnh để phù hợp với thực tế.

4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

4.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2024-2025

a) Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 của trường:

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã được công nhận tốt nghiệp THCS học tập hoặc có hộ khẩu sinh sống trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 450 học sinh.

- Phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo công tác tuyển sinh đầu cấp hàng năm của UBND tỉnh Lâm Đồng và Sở GD và ĐT Lâm Đồng.

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường:

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025 số 168/KH-THPTBL ngày 14/9/2024 đã được Hội đồng trường trường THPT Lộc Thanh phê duyệt.

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh: được nhà trường xây dựng và ban hành hàng năm.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh:

- HS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

- HS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, HS mồ côi, HS có hoàn cảnh khó khăn hàng năm được Hội khuyến học nhà trường trao nhiều suất học bổng hỗ trợ cho HS trong năm học.

- Học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi, hội thao cấp tỉnh trở lên, học sinh đi nhận thưởng,... đều được nhà trường tạo điều kiện tham gia bằng nhiều hoạt động khuyến khích, bồi dưỡng, hướng dẫn, hỗ trợ kinh phí cho học sinh tham dự.

4.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

a) Kết quả tuyển sinh:

- Chỉ tiêu tuyển sinh được giao: 360 HS, số HS trúng tuyển được phê duyệt: 360 HS, số học sinh nhập học: 356 (04 HS sau khi trúng tuyển đã chuyển trường);

- Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Nội dung	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Toàn trường
Số lớp	9	9	8	26
Số học sinh	341	319	287	947
Số học sinh bình quân/lớp	37,8	35,4	35,9	36,4
Số lượng HS học 02 buổi/ngày	0	0	0	0
Số lượng HS nam/học sinh nữ	169/328	142/292	155/274	466/947
Số lượng HS là người dân tộc thiểu số	12	15	9	36
Số lượng HS khuyết tật	0	0	0	0
Số HS chuyển trường từ 01/06 đến 30/8/2024	2	2	2	6
Số lượng HS tiếp nhận học tại trường	0	1	0	1

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

* Kết quả đánh giá HS theo thông tư 58/2011/TT-BGDĐT và thông tư 26/2020/TT-BGDĐT:

Khối i lớp	Số	Kết quả học lực								Kết quả hạnh kiểm							
		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
12	287	10	35,5	13	45,6	5	18,8	0	0,0	28	97,5	5	1,7	2	0,7	0	0,0
		2	4	1	4	4	2	0	0,0	0	6	4	4	2	0	0	0
TC	287	10	35,5	13	45,6	5	18,8	0	0,0	28	97,5	5	1,7	2	0,7	0	0,0
		2	4	1	4	4	2	0	0,0	0	6	4	4	2	0	0	0

* Kết quả đánh giá HS học Chương trình GDPT 2018 theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT:

Khối lớp	Số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
11	341	68	19,94	141	41,35	121	35,48	11	3,23	250	73,31	78	22,87	12	3,52	1	0,29
10	320	84	26,25	136	42,50	97	30,31	3	0,94	270	84,38	44	13,75	6	1,88	0	0,00
TC	661	152	23	277	41,91	218	32,98	14	2,12	520	78,67	122	18,46	18	2,72	1	0,15

c) Số lượng HS được công nhận hoàn thành chương trình, HS được cấp bằng tốt nghiệp; số HS trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; số lượng HS trúng tuyển đại học:

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 287/287 (100%);

- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 287/287 (100%);
- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 0 (0.0%);
- Số lượng học sinh trúng tuyển đại học: 193/287 (67.2%);

4.3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: Không có.

III. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

1. Cách thức công khai

- Công khai trên trang thông tin điện tử Trường THPT Lộc Thanh: tại thptlocthanh.edu.vn.

- *Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu năm học mới:*

Nhà trường thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại các hội nghị CMHS, học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho CNHS, học sinh vào tháng 9 của năm học mới.

- Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian công khai

2.1. Thời điểm công khai

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT trước ngày 30/6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT trước ngày 30/6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Thời gian công khai trên website trường tối thiểu 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

2.3. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, nhà trường còn thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hiệu trưởng thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công khai trong việc thực hiện tổng kết, đánh giá công tác hằng năm (hoặc năm học) và phương hướng, nhiệm vụ năm (hoặc năm học) tiếp theo thuộc phạm vi quản lý nhà nước về giáo dục;

- Hiệu trưởng báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT năm học 2024-2025 của trường THPT Lộc Thanh./.

Nơi nhận:

- Phòng KHTC, QLCL-GDTrX, GDTrH;
- Phòng thanh tra Sở GD&ĐT (báo cáo);
- BGH, CTCĐ, BTĐT, tổ trưởng,
- Ban TTrND (thực hiện);
- Đăng website thptbaoloc.edu.vn;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Bình

